

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYỀN QUANG**
Bản án số: **91/2020/HS-ST**
Ngày 24/9/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Nhân

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2020/TLST-HS, ngày 14/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HS, ngày 10/9/2020; đối với các bị cáo:

1. Lê Việt T; sinh ngày 27/11/1989

Nơi cư trú: Tổ 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Ngọc A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1963; Anh, chị, em ruột: Có 03, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Đỗ Phương N (đã chết); Con: 02 người, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 16/3/2020, Công an phường T, thành phố Q ra Quyết định số 169 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt;

+ Ngày 06/4/2020, Công an phường L, thành phố Q ra Quyết định số 23 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, chưa nộp phạt;

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

2. Lương Hoài N; sinh ngày 03/8/1999; giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Tổ 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con bà Lương Bích H, sinh năm 1979, không xác định được họ và tên cha; Bị cáo là con duy nhất; Vợ, con: Chưa có.

* Tiền án: Không.

* Tiền sự:

+ Ngày 26/5/2017, Công an phường L, thành phố Q ra Quyết định số 32 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt;

+ Ngày 29/11/2018, Công an phường L, thành phố Q ra Quyết định số 169 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, chưa nộp phạt;

* Nhân thân: Ngày 15/6/2020, Công an phường L, thành phố Q ra Quyết định số 169 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng, đã nộp phạt.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường L phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

* Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

2. Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 2, phường M, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Quang A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 9, phường Q, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Đức M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 1, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

3. Anh Bùi Xuân C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 1, phường Phan Thiết, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

4. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 2, phường L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/3/2020, tại tổ 14, phường T, thành phố Q, Lê Việt T, cư trú tại tổ 14, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang có hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày

29/3/2020 tại tổ 6, phường L, thành phố Q, Lê Việt T và Lương Hoài N, cư trú tại tổ 6, phường L, thành phố Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Về hành vi trộm cắp tài sản: Khoảng 13 giờ ngày 04/3/2020, Lê Việt T thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SCR, BKS 22K8-6840 của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thu H, cư trú tại tổ 14, phường T, thành phố Q để tại sân nhà bà Nguyễn Thị N (trú cùng địa chỉ) không có người trông coi, T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của bà H mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân nên Trung lấy chìa khóa phụ của xe bà H cất dưới gầm cầu thang đi sang nhà bà N, mở khóa nổ máy xe thì mẹ của bà N là bà Nguyễn Thị H (trú cùng địa chỉ) từ trong nhà đi ra hỏi “*Đi đâu đấy?*”, T trả lời “*Cháu đi ra ngoài*” rồi T điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ Hằng Nga thuộc tổ 9, phường Q, thành phố Q, cầm cố xe cùng giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân mang tên bà Nguyễn Thu H (giấy tờ bà H để trong cốp xe) cho nhân viên cửa hàng là Trần Quang A được 8.000.000 đồng. Số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 11/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda - SCR, màu sơn bạc, BKS 22K8 - 6804, số máy MH*09D00487, số khung 10391000408 sử dụng từ năm 2009 có giá là 7.200.000 đồng.

Về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Ngày 25/3/2020, Lê Việt T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 22B1-761.42 của Lương Hoài N rồi mang đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ Hùng Hương của Nguyễn Việt A, thuộc tổ 1, phường H, thành phố Q vay 6.000.000 đồng. Ngày 29/3/2020, do N là bạn chơi với T, nên sau khi biết T cầm cố xe, N chỉ yêu cầu T lấy xe về trả, T nói chưa có tiền chuộc xe nhưng bảo với N “*Có bạn nào có xe mô tô thì gọi đến nhà N chơi để T mượn xe mang đi cầm cố lấy tiền chuộc xe cho N*”, N đồng ý. Biết Ngô Thanh T, trú tại tổ 2, phường M, thành phố Q có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 22B1-947.10 nên N gọi điện thoại cho T, rủ T đến nhà N chơi, mục đích để T mượn xe của T mang đi cầm cố lấy tiền chuộc xe cho mình.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/3/2020, sau khi N gọi điện, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 22B1-947.10 đến nhà N chơi. Tại đây, T nói dối T mượn xe đi mua thẻ nạp điện thoại, do tin tưởng T là bạn của N nên T đồng ý. Sau khi mượn được xe của T, T điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ Hùng Hương của Nguyễn Việt A, đặt chiếc xe mô tô BKS 22B1-947.10 của T làm tin, vay của nhân viên cửa hàng là anh Vũ Đức M được 8.000.000 đồng, T trả 6.000.000 đồng cho M, lấy lại xe mô tô BKS 22B1-761.42 của N, sau đó T dắt xe mô tô của N đến khu vực Cầu Chả thuộc phường Q, thành phố Q sửa xe hết 300.000 đồng rồi gọi N đến đón. N đi xe đạp điện mượn của mẹ đẻ là bà Lương Bích H đến gặp T. T trả xe mô tô, đưa N số tiền 700.000 đồng và đi xe đạp điện về nhà N. Số tiền 1.000.000 đồng còn lại T chi tiêu cá nhân hết. Đối với T không thấy T trả xe, hỏi thì T nói dối xe vi phạm giao thông nên bị Công an giữ.

Ngày 04/4/2020, T đến cửa hàng cầm đồ Hùng Hương, trả cho anh Vũ Đức M số tiền vay 8.000.000 đồng, lấy lại chiếc xe mô tô BKS 22B1-947.10 của T. Sau khi lấy chiếc xe trên, T không trả cho T, mà điện thoại cho bạn là Nguyễn Đức T, trú tại tổ 2, phường L, thành phố Q nhờ mang chiếc xe trên đi cầm cố, T đồng ý. Sau

đó T mang xe đến cửa hàng mua bán trao đổi ô tô, xe máy Hằng Nga bán cho Bùi Xuân C, trú tại tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Q với giá 25.000.000 đồng. Do chưa có giấy tờ xe nên C trả trước cho Trường 13.500.000 đồng, hẹn khi mang giấy tờ xe đến làm thủ tục sẽ đưa nốt số tiền còn lại. T bộ số tiền bán xe, T đưa lại cho T, số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua, C gửi chiếc xe mô tô BKS 22B1-947.10 tại nhà chị gái là Bùi Thu H, trú tại tổ 14, phường T, thành phố Q. Ngày 14/6/2020, Vũ Việt T là con trai H (trú cùng địa chỉ) điều khiển chiếc xe mô tô BKS 22B1-947.10 đến quán ăn thuộc tổ 12, phường Q, thành phố Q thì gặp Ngô Thanh T, nhận ra xe mô tô của mình nên T yêu cầu T đến cơ quan Công an làm việc.

Tại kết luận định giá số tài sản số 29 ngày 11/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q, kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, màu sơn đỏ đen, BKS 22B1-947.10, số khung: 0610GY256365, số máy: G3D4B268273 giá trị còn lại là 27.000.000 đồng.

Vật chứng: Ngày 10/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR, BKS 22K8-6840; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 22K8-6840 mang tên Nguyễn Thu H; 01 chứng minh nhân dân số 070061074 mang tên Nguyễn Thu H do Trần Quang A giao nộp. Ngày 12/5/2020 đã trả lại xe mô tô cùng giấy tờ cho bà Nguyễn Thu H.

Ngày 14/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter BKS 22B1-947.10 do Vũ Việt T giao nộp, cùng ngày đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngô Thanh T.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Việt T, Lương Hoài N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường (bút lục từ số 50 đến 55); Bản Kết luận định giá tài sản (bút lục số 59 - 60; 76 - 77); lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKSTP ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Lê Việt T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lương Hoài N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội Trộm cắp tài sản

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của cả hai tội đối với bị cáo Lê Việt T.

Xử phạt bị cáo Lê Việt T từ 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù đến 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Hoài N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo; buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 280, 357, 463, 466, Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Việt T phải trả cho anh Trần Quang A số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*);

+ Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Việt T phải trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*)

Khoản tiền bị cáo Lê Việt T phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, kết luận định giá tài sản, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 04/3/2020, tại tổ 14, phường T, thành phố Q, Lê Việt T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 22K8 - 6804, trị giá 7.200.000 đồng của bà Nguyễn Thu H, trú tại tổ 14, phường T, thành phố Q (là mẹ đẻ của Trung).

Ngày 29/3/2020 tại tổ 6, phường L, thành phố Q, Lê Việt T và Lương Hoài N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 22B1-947.10 trị giá 27.000.000 đồng của Ngô Thanh T, trú tại tổ 2, phường M, thành phố Q.

Giá trị tài sản do Lê Việt T có hành vi trộm cắp là 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm ngàn đồng*). Giá trị tài sản do Lê Việt T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*)

Giá trị tài sản do Lương Hoài N có hành vi lừa đảo chiếm đoạt là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi có ý trực tiếp, bị cáo Lê Việt T lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản là bà Nguyễn Thu H để lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 22K8 - 6804, trị giá 7.200.000 đồng; Bị cáo Lê Việt T và bị cáo Lương Hoài N dùng thủ đoạn gian dối làm cho chủ sở hữu tài sản là anh Ngô Thanh T tin là bị cáo T mượn xe của anh T đi mua thẻ điện thoại để chiếm đoạt của anh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 22B1-947.10 trị giá 27.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Việt T cấu thành tội Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Lương Hoài N cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Lê Việt T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Lương Hoài N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nhưng không chịu lao động kiếm tiền chân chính, lại tìm cách chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác để tiêu sài. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lương Hoài N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại là anh Ngô Thanh T xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Lê Việt T có bố là ông Lê Ngọc A là thương bị hạng $\frac{3}{4}$. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Việt T.

Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lương Hoài N

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Lương Hoài N có 02 tiền sự, các bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi phạm hành chính vì vi phạm pháp luật nhưng không rút kinh nghiệm mà còn tiếp tục vi phạm pháp luật, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo còn rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án bị cáo Lê Việt T là người khởi xướng, bị cáo Lương Hoài N là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực nên khi xem xét quyết định hình phạt HĐXX sẽ xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và vai trò của các bị cáo trong quá trình phạm tội để quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo; trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q.

Đối với Trần Quang A, nhân viên của cửa hàng cầm đồ Hằng Nga cho Trung cầm cố chiếc xe BKS 22K8-6840 không biết tài sản do phạm tội mà có, nhưng xe thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thu H, khi nhận cầm cố không có giấy ủy quyền hợp lệ của bà H cho T, Công an thành phố ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2499 ngày 07/7/2020, hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng (đã nộp phạt).

Đối với Vũ Đức M cho vay Trung tiền, để lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 22B1-947.10 làm tin, Bùi Xuân C là người mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 22B1-947.10 nhưng không biết là tài sản do Trung phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Đức T là người được bị can Trung nhờ mang xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 22B1-947.10 đi cầm cố nhưng không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[6] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thu H và anh Ngô Thanh T. Bà Nguyễn Thu H và anh Ngô Thanh T không có ý kiến gì về các tài sản nên HĐXX không xem xét về vật chứng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Nguyễn Thu H, anh Ngô Thanh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu, đề nghị về dân sự nên HĐXX không xem xét về trách nhiệm bồi thường của bị cáo đối với các bị hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quang A chủ cửa hàng cầm đồ Hằng Nga yêu cầu bị cáo Lê Việt T trả lại số tiền 8.000.000 đồng đã vay theo hợp đồng thỏa thuận cầm cố chiếc xe Honda BKS 22K8 – 6804 mà Lê Việt T đã ký với anh ngày 04/3/2020. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản có biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản tuy nhiên tài sản bảo đảm không thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Việt T và là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên việc cầm cố tài sản không có hiệu lực. Tại phiên tòa bị cáo Lê Việt T nhất trí trả số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) cho anh Trần Quang A. Do vậy, đủ căn cứ để buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Quang A số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

- Tại Cơ quan điều tra ông Bùi Xuân C yêu cầu Nguyễn Đức T trả lại số tiền 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) mà ông C đã trả tiền mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 22B1-947.10 cho anh T vào ngày 04/4/2020. Ông C và anh T vắng mặt tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt của ông C không nêu rõ yêu cầu về trách nhiệm dân sự do vậy, HĐXX không xem xét trong vụ án này, ông Bùi Xuân C có quyền khởi kiện bằng một án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo Lê Việt T phải trả số tiền 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) mà anh T bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 22B1-947.10 vào ngày 04/4/2020 cho ông Chính và đã đưa số tiền này cho bị cáo Lê Việt T. Bị cáo T nhất trí trả cho anh T số tiền trên. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức T, buộc bị cáo Lê Việt T phải trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoản bị cáo Lê Việt T phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[8] Án phí của vụ án:

* Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Việt T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), bị cáo Lương Hoài N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

* Án phí dân sự:

- Bị cáo Lê Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) đối với khoản tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) phải trả cho anh Trần Quang A và 675.000đ (*Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đối với khoản 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) phải trả cho anh Nguyễn Đức T. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Lê Việt T phải nộp là 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*)

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội Trộm cắp tài sản;

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Việt T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Việt T 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của tội Trộm cắp tài sản và Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với bị cáo Lê Việt T, bị cáo Lê Việt Trng phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Lương Hoài N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Xử phạt bị cáo Lương Hoài N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 280, 357, 463, 466, Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Việt T phải trả cho anh Trần Quang A số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*);

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Việt T phải trả cho anh Nguyễn Đức T số tiền 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*)

Khoản tiền bị cáo Lê Việt T phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Lê Việt T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Bị cáo Lương Hoài N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại anh Ngô Thanh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 24/9/2020; Bị hại Nguyễn Thu H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; Người có QLVNVLQ;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Nhân – Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

